

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 9 – 2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám, ông Hoàng Duy Am.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 01, xã E (trước đây là xã M, huyện M), tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 01, xã E (trước đây là xã M, huyện M), tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/1996 tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông S thường xuyên uống rượu và đánh

đập, chửi bới, phá hoại tài sản nhưng bà H vẫn cố gắng chịu đựng. Đến năm 2021, do không chịu đựng được việc thường xuyên bị đánh đập, chửi mắng nên bà H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M'Drăk để yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S. Được Tòa án hòa giải và giải thích nên bà H đồng ý rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi về sống chung, ông S không những không thay đổi mà vẫn tiếp tục đi uống rượu, về nhà đập phá tài sản, đánh đập chửi mắng bà H. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà H và ông S có hai con chung tên là Nguyễn Thị T sinh ngày 28/5/1997 và Nguyễn Văn N sinh ngày 09/5/2000. Do các con đều đã đủ 18 tuổi nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo nội bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/5/1996 theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng đã chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, cách đây vài năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông S có nghi ngờ, ghen tuông với vợ, nên vợ chồng có cãi qua lại đôi câu. Sau đó bà H đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S, do được Tòa án giải thích nên bà H đã rút đơn khởi kiện, vợ chồng về chung sống với nhau bình thường cho tới nay.

Ông S không biết lý do vì sao bà H lại tiếp tục khởi kiện xin ly hôn với ông S tại Tòa án. Ông S không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H vì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, chưa đến mức trầm trọng.

Về con chung: Ông S và bà H có hai con chung là Nguyễn Thị T sinh năm 1997 và Nguyễn Văn N sinh năm 2000 đều đã đủ 18 tuổi nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng

xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, tuyên xử cho bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn S được ly hôn với nhau; Về con chung: Các con đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 1, xã E, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông S vào ngày 31/5/1996 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau, ông S cho rằng bà H không chung thủy nên đã nghi ngờ, ghen tuông với bà H; Mặt khác, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát, ông S có đánh đập, chửi mắng, xúc phạm bà H và phá hoại tài sản trong nhà.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà H được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T sinh năm 1997 và Nguyễn Văn N sinh năm 2000. Do các con chung đều đã đủ 18 tuổi và lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001346 ngày 29/7/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 12/9/2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- Cơ quan THA.DS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà